TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỊNH QUÁN** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2018/HNGĐ-ST
Ngày 30/7/2018/
V/v*: "Xin ly hôn"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Vũ Mạnh Cường**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Nguyễn Thị Liệu**

Bà Trương Thị Lệ Thanh

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* **Ông Nguyễn Văn Thành** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán:* **Ông Nguyễn Hữu Thọ** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 147/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2018 về việc: "Xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28/6/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 51/2018/QĐST-HPT ngày 13/7/2018, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Chị Trần Thị H sinh năm: 1978**

Nơi cư trú: 395 B ấp P, xã Ph, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

*** Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C sinh năm: 1970**

Nơi cư trú: 395 B ấp P, xã Ph, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H có mặt, anh C vắng mặt)

*** Người làm chứng:**

1. Chị Lâm Thị T sinh năm: 1988

Nơi cư trú: ấp P, xã Ph, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai

2. Chị Trần Thị N sinh năm: 1960

Nơi cư trú: ấp P, xã Ph, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai

(Chị T, chị N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 02/3/2018, bản tường trình, biên bản lấy lời khai cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:**

Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn C tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/9/2008. Đây là hôn nhân lần đầu của chị H và anh C. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Anh C không có trách nhiệm với gia đình, vợ con, không phụ giúp chị H về kinh tế gia đình. Có lần anh C vô cớ kiếm chuyện đánh chị H nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Mâu thuẫn vợ chồng đã được chính quyền địa phương hòa giải nhưng không thành. Từ khoảng năm 2016 đến nay, chị H và anh C sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng. Việc anh C đánh chị H không để lại thương tích gì nên chị H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Nay tình cảm vợ chồng không còn chị H xin ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị H và anh C có 02 con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 18/6/1999; Nguyễn Văn C, sinh ngày: 13/9/1996. Hiện hai con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên khi ly hôn chị H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết, bị đơn anh Nguyễn Văn C đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án; được triệu tập hợp lệ để làm việc, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng anh C không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ tố tụng:

Tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 13/7/2018 cho bị đơn anh Nguyễn Văn C nhưng tại phiên tòa hôm nay anh C vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung:

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn C khi kết hôn trên cơ sở tự nguyện không vi phạm các điều kiện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/9/2008 (BL 05) theo quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo hộ.

Trong cuộc sống hôn nhân chị H xác định giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau và đánh nhau. Chị H và anh C đã sống ly thân, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng (BL 22). Điều này phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án (BL 20, 21, 31, 32)

Qúa trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến nay Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh C để làm việc, hòa giải và tham gia phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng anh C đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Điều này cho thấy anh C không có thiện chí hòa giải để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ. Xét quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh C tình trạng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H yêu cầu xin ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận

Về con chung:

Chị H và anh C có 02 con Nguyễn Văn T, sinh ngày 18/6/1999; Nguyễn Văn C, sinh ngày: 13/9/1996. Hiện hai con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên khi ly hôn chị H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Xét yêu cầu của chị H là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

***Về tài sản*:** Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Tòa án, người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã chấp hành nghiêm về quan hệ tố tụng, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng khi giải quyết vụ án. Bị đơn chưa chấp hành các quy định của pháp luật.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000

Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí

Tuyên xử:

Xử cho chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn C ly hôn

Về con chung: Hiện hai con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày: 18/6/1999 và Nguyễn Văn C, sinh ngày: 13/9/1996 đã trưởng thành và có khă năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 004809

ngày 29/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai. Chị H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh
- VKSND HĐQ;
- THADS HĐQ;
- UBND xã Ph;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Mạnh Cường